

Số: 07/2017/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 14 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Quy định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số 96/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-KTNS ngày 09 tháng 7 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Bình, cụ thể như sau:

1. Nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh

a) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường (bao gồm xây dựng và phổ biến các mô hình, điển hình tiên tiến, tiêu biểu về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường theo quyết định của cấp có thẩm quyền); tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

b) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường;

c) Xây dựng, thẩm định và công bố quy hoạch bảo vệ môi trường; hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược của tỉnh; thẩm định các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được chi từ nguồn sự nghiệp môi trường;

d) Hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích môi trường theo hệ thống mạng lưới quan trắc môi trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường trên địa bàn tỉnh;

đ) Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh;

e) Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ trên địa bàn tỉnh;

g) Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án), gồm:

- Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích trên địa bàn tỉnh (đối với dự án có tính chất chỉ sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường), thuộc danh mục dự án theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 về việc phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích, Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 phê duyệt kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước, Quyết định số 38/2011/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung khác của Thủ tướng Chính phủ;

- Dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

h) Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các



nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

i) Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu); thông kê môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thông kê môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

k) Hỗ trợ xây dựng, mua sắm thiết bị xử lý rác thải và vận hành các công trình xử lý rác thải sinh hoạt tại các xã, thị trấn theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

l) Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng do tỉnh quản lý; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển;

m) Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường (bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học) trên địa bàn tỉnh và theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

n) Hoạt động kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; hoạt động kiểm tra việc hoàn thành đề án bảo vệ môi trường chi tiết; kiểm tra, xác nhận hoàn thành khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, hoạt động kiểm tra việc thực hiện giấy chứng nhận, giấy phép về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

o) Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh (bao gồm văn phòng phẩm, phô tô tài liệu, làm thêm giờ, đi lại kiểm tra thực tế nếu có);

p) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

q) Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi sự nghiệp về bảo vệ môi trường;

r) Các hoạt động khác liên quan đến bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh.

2. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện

a) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi khen thưởng cho tổ chức và cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định;

b) Tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường, xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án, quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện, thành phố theo thẩm quyền;

c) Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường); xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định của pháp

luật về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường của huyện, thành phố;

d) Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ;

đ) Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt theo thẩm quyền (bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tính hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án); dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

g) Hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư trên địa bàn huyện, thành phố;

h) Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng do cấp huyện quản lý;

i) Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường;

k) Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản theo thẩm quyền;

l) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định;

m) Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện (nếu có);

n) Chi hỗ trợ các hoạt động khác liên quan đến bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với từng trường hợp cụ thể.

3. Nhiệm vụ chi ngân sách xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã)

a) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về môi trường trên địa bàn; vận động nhân dân thực hiện nội dung bảo vệ môi trường trong hương ước của thôn, làng, khu dân cư; chi khen thưởng cho tổ chức và cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định;

b) Lập, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn và tổ chức thực hiện; hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm việc thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp xã;

c) Quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng theo quy định các dự án, công trình bảo vệ môi trường trên địa bàn được cấp có thẩm quyền giao; hỗ trợ hoạt động giảm thiểu, thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường trên địa bàn quản lý;



d) Hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường trên địa bàn xã (Hợp tác xã, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội) theo thẩm quyền;

đ) Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã (nếu có);

e) Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn thuộc trách nhiệm của cấp xã và cấp có thẩm quyền giao.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVI, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 7 năm 2017 và thay thế Nghị quyết số 46/2010/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, Kỳ họp thứ mười bốn về việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Bình. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND; UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở; ban; ngành thuộc tỉnh;
- TT Huyện ủy; Thành ủy;
- TT HĐND; UBND huyện, thành phố;
- Báo TB; công báo; Cổng thông tin điện tử TB;
- Lưu: VT, TH.



Đặng Trọng Thăng